

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2017

V/v: Ly hôn giữa anh H và chị Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quân;
2. Ông Nguyễn Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2017/QĐXX-ST ngày 13/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm T, xã P, huyện Tr, tỉnh Đ; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã P, huyện Tr, tỉnh Đ; Chỗ ở: Số 419/2, tỉnh lộ 43, phường P, quận Đ, thành phố H; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Lê Thị O, sinh năm 1960; Địa chỉ: Xóm 15, xã P, huyện Tr, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2017 và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tr, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2007/KH, vào ngày 13/02/2007. Vợ chồng chung sống được 20 ngày thì anh H đi làm ăn xa, khi đi, khi về; hai người chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm và nghi ngờ sự chung thủy của nhau. Tháng 5 năm 2007,

chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 15, xã P, huyện Xuân Trường. Anh H đã nhiều lần đến đón chị Th, nhưng chị Th không về chung sống cùng anh, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh H và Thảo sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc, nên anh xin ly hôn chị Th.

Về nuôi con chung, chia tài sản: Vợ chồng không có con chung; không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, không tranh chấp với nhau về tài sản riêng.

Tại bản tự khai đề ngày 12/5/2017, bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th xác định về thời gian, điều kiện kết hôn như anh Bùi Văn H trình bày là đúng. Tháng 5 năm 2007, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm; Anh H thường xuyên đi làm xa, khi về vợ chồng chung sống không hòa hợp nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 15, xã P, huyện Xuân Trường ở. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ, anh H có đến nhà bố mẹ đẻ của chị Th đón, nhưng vì không còn tình cảm với anh H nên chị không về. Vợ chồng đã sống ly thân nhau 10 năm. Nay anh H xin ly hôn, chị Th nhất trí.

Về nuôi con chung, chia tài sản: Chị Th thống nhất với nội dung anh H trình bày.

Tại biên bản làm việc ngày 05/5/2017 và ngày 12/5/2017, người làm chứng là bà Lê Thị O trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th là con gái bà. Cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị Th không hạnh phúc, tháng 5 năm 2007 chị Th quay về nhà bà sinh sống, hai người sống ly thân từ đó, đến thời gian gần đây chị Th đi miền Nam làm ăn. Gia đình bà nhiều lần nhận được các giấy tờ của Tòa án gửi cho chị Th về thủ tục giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị Th, bà đều thông tin cho chị Th biết, nhưng do bận công việc nên chị Th không về được. Chị Th đã viết bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt gửi về gia đình, bà đã giao nộp tài liệu này cho Tòa án.

Kết quả xác minh tại xã P: Anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị Th kết hôn hợp pháp. Vợ chồng đã không chung sống với nhau 10 năm nay, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh H không quan tâm đến chị Th. Chị Th thường xuyên đi làm ăn xa nhưng vẫn về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 15, xã P sinh sống. Hiện nay chị Th vẫn đăng ký hộ khẩu tại xóm T, xã P, chủ hộ là ông B, bố đẻ của anh H. Anh chị không có con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đánh giá, quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị Th là hợp pháp, được xác lập từ

khi đăng ký kết hôn, ngày 13/02/2007, trong cuộc sống vợ chồng do tính tình lối sống không hòa hợp, thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân 10 năm nay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường nhận định:

[2] Về tố tụng: Mặc dù bị đơn không có mặt tại địa phương vào thời điểm giải quyết vụ án, nhưng qua kết quả xác minh tại địa phương và người thân của bị đơn, thì chị Nguyễn Thị Th hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã P, huyện Tr, tỉnh Đ, thực tế vẫn đi về nhà bố mẹ đẻ ở xã P, nên có đủ căn cứ để khẳng định Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 16/5/2017; Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của bị đơn, người làm chứng và kết quả xác minh; trên cơ sở những chứng cứ này có đủ cơ sở khẳng định: Quan hệ vợ chồng giữa anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị Th là hợp pháp, được xác lập từ khi đăng ký kết hôn, ngày 13/02/2007. Vợ chồng chung sống cùng nhau thời gian ngắn nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; hai người đã sống ly thân 10 năm nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy, anh Hùng, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, đó là phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc và chung sống cùng nhau, được quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh H xin ly hôn, chị Th nhất trí ly hôn. Cơ hội hàn gắn hạnh phúc không còn, nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị Th theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đúng với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung, chia tài sản: Vợ chồng không có con chung; không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, không tranh chấp với nhau về tài sản riêng, nên không đặt ra việc điều chỉnh.

[5] Về án phí: Anh Bùi Văn H là nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 Phần II Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị Th .

2. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu số 09310 ngày 13/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; Anh Bùi Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

3. Anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam định: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam định: 01 bản;
- VKSND huyện Xuân Trường: 01 bản;
- Chi cục THADS H. Xuân Trường: 01 bản;
- UBND xã P: 01 bản;
- Nguyên đơn, Bị đơn: Mỗi ĐS 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thi